TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐOAN HÙNG
TỈNH PHÚ THỌ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2020/ HNGĐ- ST
Ngày 28/4/2020
V/v: "Tranh chấp về ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐOAN HÙNG, TỈNH PHÚ THỌ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Minh Hòa
Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Cường
Ông Nguyễn Văn Bình.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Lan - Thư ký của Toà án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đoan Hùng, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 91/2020/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 02 năm 2020 về việc "Tranh chấp về ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị Ánh T - Sinh năm 1987
Trú tại: Thôn TK, xã H, huyện Đ, tỉnh Phú Thọ. Có mặt.
2. *Bị đơn*: Anh Khổng Chiêu Tr - Sinh năm 1987
Trú tại: Ấp 3, xã TĐ, huyện C, tỉnh Đồng Nai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn xin ly hôn và những lời khai tiếp theo tại Tòa án, nguyên đơn là chị Phạm Thị Ánh T trình bày: Chị và anh Khổng Chiêu Tr quen biết nhau trong thời gian chị làm công nhân ở Đồng Nai và bắt đầu chung sống từ tháng 10/2010, đến ngày 23/8/2013 thì đăng ký kết hôn tại UBND xã ĐK (nay là xã H), huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, việc kết hôn là tự nguyện. Thời gian chung sống chị và anh Tr ở cùng gia đình anh Tr tại Đồng Nai. Vợ chồng chị hòa thuận đến đầu năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do không hợp nhau, thường xuyên cãi vã. Đầu năm 2017 chị đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở huyện Đ, sau đó hai bên gia đình có khuyên nhủ, anh Tr ra ở cùng chị được vài tháng rồi lại lại quay về Đồng Nai. Ba năm nay vợ chồng chị sống ly thân, anh Tr thỉnh thoảng điện hỏi thăm con, nhưng không lần nào nói đến chuyện hàn gắn tình cảm. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị và anh Tr được ly hôn, vì mâu thuẫn giữa hai bên đã trầm trọng kéo dài, tình cảm không còn.

* Trong đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt đề ngày 18/02/2020 có xác nhận của Công an xã TĐ, huyện C, tỉnh Đồng Nai, bị đơn là anh Khổng Chiêu Tr trình bày: Anh và chị Phạm Thị Ánh T tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 23/8/2013. Sau khi kết hôn, hai người sinh sống cùng gia đình anh tại xã TĐ. Do cuộc sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, tính tình ngày càng không thể hòa hợp, năm 2017 chị T đã bỏ về quê ở huyện Đ. Vợ chồng sống ly thân đến nay đã 3 năm. Nay chị T xin ly hôn, anh cũng nhất trí vì xét thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được nữa.

- Về con chung: Chị T và anh Tr xác nhận vợ chồng có 01 con chung là Khổng Ngọc A- sinh ngày 21/4/2011, hiện nay đang ở với chị T.

Nếu ly hôn, chị T đề nghị được nuôi con, không yêu cầu anh Tr cấp dưỡng nuôi con. Quan điểm của anh Tr cũng đề nghị Tòa giải quyết cho chị T được nuôi con; về vấn đề cấp dưỡng nuôi con hai bên sẽ tự thỏa thuận, không yêu cầu pháp luật can thiệp. Tại phiên tòa, chị T trình bày nhất trí quan điểm của anh Tr.

- Về tài sản chung, vay nợ chung: Anh Tr và chị T xác nhận không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Phạm Thị Ánh T cư trú tại huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, bị đơn là anh Khổng Chiêu Tr cư trú tại huyện C, tỉnh Đồng Nai. Tuy nhiên, hai người đã có văn bản thỏa thuận chọn Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Phú Thọ là nơi nguyên đơn cư trú giải quyết ly hôn, do đó Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh Khổng Chiêu Tr có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt anh Tr.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Ánh T và anh Khổng Chiêu Tr kết hôn với nhau tự nguyện, có đăng ký ngày 23/8/2013tại UBND xã ĐK (Nay là xã H), huyện Đ, tỉnh Phú Thọ, đây là một hôn nhân hợp pháp. Trước khi đăng ký kết hôn, hai người đã chung sống với nhau từ năm 2010 và có 01 con chung. Quá trình chung sống, anh Tr và chị T ở chung với gia đình anh Tr tại xã TĐ, huyện C, tỉnh Đồng Nai, hòa thuận đến năm 2016 thì thường xuyên mâu thuẫn do tính cách không hòa hợp. Đầu năm 2017 chị T đã đưa con về nhà bố mẹ đẻ ở huyện Đ, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay.

Xét mâu thuẫn giữa chị T và anh Tr đã trầm trọng kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Việc chị T xin ly hôn, anh Tr cũng đồng ý là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần được chấp nhận.

[3] Về con chung: Anh Tr và chị T có 01 con chung là cháu Khổng Ngọc A- sinh ngày 21/4/2011, hiện đang ở với chị T. Căn cứ tài liệu chứng cứ do chị T xuất trình thì cháu Ngọc A là người khuyết tật nặng, dạng khuyết tật nghe, nói, nhìn. Do vậy Tòa không thể hỏi nguyện vọng của cháu A. Chị T khẳng định đủ khả năng, điều kiện để nuôi con. Anh Tr và chị T đã thống nhất: Sau khi ly hôn, chị T sẽ trực tiếp nuôi con; việc cấp dưỡng cho con hai bên tự thỏa thuận, không

yêu cầu pháp luật giải quyết. Thỏa thuận của hai bên là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung, vay nợ chung: Do hai bên trình bày không có nên không phải giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị Ánh T phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các điều 58,81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình.

- Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Xử: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Thị Ánh T và anh Khổng Chiêu Tr.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận sau: Chị Phạm Thị Ánh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Khổng Ngọc A- sinh ngày 21/4/2011. Việc cấp dưỡng cho con hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu pháp luật giải quyết.

Anh Tr có quyền thăm nom con, không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, vay nợ chung: Không có, nên không phải giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Phạm Thị Ánh T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số: AA/2017/0003477, ngày 17/02/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đoan Hùng. Chị T đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, chị T có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm. Anh Tr vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND huyện, tỉnh;
- Chi cục THADS huyện Đoan Hùng;
- Các đương sự;
- UBND xã H;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Vũ Thị Minh Hòa

Nơi nhận:
thẨm
- VKSND huyện, tỉnh;

phiên tòa
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND xã Ngọc Quan;
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘi ĐỒng xÉt xỬ sƠ

Thẩm phán - Chủ tọa

.